

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/HS-ST

Ngày: 25-3-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hùng Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Phước Dũng

Ông Võ Văn Cẩm

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Hữu Thái Dương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Sỹ Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 07/2025/TLST-HS ngày 14 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2025 đối với các bị cáo:

Nguyễn Văn T, tên gọi khác: Không, sinh ngày 17/5/1982 tại Long An. Nơi thường trú: Khu phố B, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An. Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn T1, sinh năm 1958 (chết) và bà: Phạm Thị Đ, sinh năm 1957 (sông). Vợ: Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1991. Có 02 người con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/5/2024 tại Nhà tạm giữ Công an huyện V. Đến ngày 07/6/2024 được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T: Bà Phạm Thị Thùy T2, Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh L (có mặt).

- Bị hại: Chị T3-Sô-P, sinh năm 2011. Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện K, tỉnh Svay Rieng, Campuchia (vắng mặt).

Người phiên dịch cho chị T3-Sô P: Ông Kim Res M, sinh năm 1989 - Chuyên viên Sở Ngoại vụ tỉnh L (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Nguyễn Thị Kim T4, sinh năm 1984. Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An (có mặt)

2. Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1991. Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An (có mặt)

Người làm chứng: Bà P1-C-N, sinh năm 1959. Địa chỉ: Xã P, huyện K, tỉnh Svay Rieng, Campuchia (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 23/5/2024, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Future Fi, biển số 62D1-225.87 trên Đường T, khi đến khu vực bến xe thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An, T phát hiện chị T3-Số-P2 (Quốc tịch Campuchia) có đeo sợi dây chuyền vàng trên cổ, đang điều khiển xe mô tô biển số 1E-2913 và chở phía sau P-Chan-ni (Dì của T3-Số-Phíp) đi cùng chiều phía trước. T nảy sinh ý định giật sợi dây chuyền nên điều khiển xe chạy theo xe của chị T3-Số-Phíp. Khoảng 09 giờ cùng ngày, khi đi đến đoạn đường trước cửa cơ sở bán vật liệu xây dựng “H” thuộc Ấp A, xã V, huyện V, T điều khiển xe áp sát phía bên phải của xe chị T3-Số-Phíp, dùng tay trái giật lấy sợi dây chuyền của chị T3-Số-Phíp. T bỏ sợi dây chuyền giật được vào túi quần phía sau bên trái rồi điều khiển xe theo đường cặp bờ Kênh 504 về hướng UBND xã T. Khi chạy được 7-8 km T thấy hành vi của mình là sai phạm nên đã gọi điện thoại cho Nguyễn Thị Kim T4 (là em ruột của T) và nói “mày chạy xuống công an thị trấn hay công an xã V xem có người Campuchia nào ở đó không, tao lỡ giựt sợi dây chuyền của người ta rồi!”, lúc này T4 chửi “sao mày làm vậy?”. Khoảng 20 phút sau, T4 gọi điện thoại cho T nói “Không thấy ai hết”, T tiếp tục chạy đến ngã 5 V thì T4 gọi “Công an tới nhà tìm mày, mày lấy gì mà mày trả cho người ta”, T hỏi “Bây giờ tao về thị trấn hay về xã V ?” Thoa trả lời “Không biết” và T4 tắt điện thoại. Đến 11 giờ 30 phút cùng ngày, T đến Công an xã V tự thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và giao nộp sợi dây chuyền vàng (không có mặt dây chuyền).

Tại Kết luận giám định số 3222/KL-KTHS ngày 31/5/2024, của Phân viện Khoa học hình sự Bộ C tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: 01 dây chuyền kim loại màu vàng, khối lượng 10,2611 gam được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là V (Au): 64,83%, B (Ag): 12,48%, Đ1 (Cu): 19,04%.

Tại Kết luận định giá tài sản số 122/KL-HĐĐG ngày 18/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện V, kết luận sợi dây chuyền của chị T3-Số-Phíp: 01 sợi dây chuyền vàng có khối lượng 10,2611 gam (thành phần: vàng: 64,83%, bạc: 12,48%, đồng: 19,04%) tại thời điểm định giá ngày 23/5/2024 có trị giá 13.091.000 đồng.

Quá trình điều tra, bị hại T3-S-P2 khai nhận bị chiếm đoạt dây chuyền vàng, có mặt dây chuyền hình tròn, tổng khối lượng là 01 cây vàng 18k. Cơ

quan điều tra tiến hành khám nghiệm hiện trường, truy tìm nhưng không tìm được mặt dây chuyền này. Tuy nhiên, căn cứ vào hình ảnh do bị hại cung cấp, có căn cứ chứng minh lời trình bày của bị hại là đúng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 191/KL-HĐĐG ngày 27/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện V, kết luận: 01 cây vàng, loại 18k (thành phần: vàng: 64,83%, bạc: 12,48%, đồng: 19,04%) tại thời điểm định giá ngày 23/5/2024 trị giá: 47.830.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 04/CT-VKS-P2 ngày 08/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Cướp giật tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng đã nêu, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

Bị hại chị T3-Số-Phíp (Quốc tịch Campuchia) (có phiên dịch Kim Réc Mây) trình bày tại cơ quan điều tra như sau: Ngày 23/7/2024 chị điều khiển xe mô tô biển số 1E- 2913 chở bà dì tên P1-C-Ni ngồi sau, trên cổ chị có mang một dây chuyền vàng số lượng 01 cây có mặt dây chuyền. Khi đến khu vực ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Long An thì bị 01 thanh niên điều khiển xe mang biển số 62D1-225.87 chạy từ sau tới ép sát dùng tay giật lấy dây chuyền của chị và tẩu thoát. Chị truy hô và đuổi bắt nhưng không kịp, chị đến Công an trình báo. Sau đó Cơ quan Công an mời chị đến nhận lại tài sản là 01 khúc dây chuyền và số tiền bồi thường xong là 31.500.000đ. Nay chị không yêu cầu bồi thường gì thêm, và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Chị Nguyễn Thị Kim T4 trình bày: Chị là em ruột của Nguyễn Văn T, vào ngày 23/7/2024 khoảng 09 giờ 45 phút, T điện thoại kêu chị xuống Công an thị trấn V hay xã V tìm dùm người Campuchia để trả lại sợi dây chuyền T lỡ giật của người ta. Chị có la T “sao làm vậy” và đi tìm người để trả lại sợi dây chuyền nhưng không gặp. Chị có kêu T đến Công an đầu thú và giao nộp lại tài sản đã cướp giật, T đồng ý. Sau khi sự việc xảy ra chị có thương lượng chị T3-Số-Phíp thỏa thuận bồi thường số tiền 31.231.000 đồng là trị giá tài sản bị mất một đoạn không tìm được. Chị và vợ của bị cáo là chị Nguyễn Thị Ngọc H tự nguyện bỏ tiền ra bồi thường thay cho bị cáo T. Nay chị và chị H không yêu cầu T trả lại số tiền trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An trong phần luận tội đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, sau khi phạm tội bị cáo đầu thú, đã giao nộp tài sản chiếm đoạt và bồi thường giá trị tài sản bị mất; cha, mẹ

bị cáo T là người có công với Cách mạng; bị cáo bị bệnh sỏi niệu thận trái ứ nước độ III và thoái hóa cột sống. Gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tuyên án sơ thẩm nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam 23/5/2024 đến 07/6/2024.

Xét thấy bị cáo không có thu nhập, có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo theo khoản 5 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đối với hành vi của Nguyễn Thị Kim T4 biết việc T giật sợi dây chuyền (do T nói lại); T nhờ đến C1 giúp có người Campuchia đến tố giác hành vi của T không để T trả lại tài sản chiếm đoạt. Chị T4 tìm không có ai. Khi biết Công an tìm T thì yêu cầu T đi đầu thú và trả lại tài sản. Xét thấy, hành vi của T4 không đủ yếu tố cấu thành tội “Không tố giác tội phạm” theo quy định tại Điều 390 Bộ luật Hình sự nên Cơ quan điều tra không xem xét hành vi đối với T4 là có cơ sở.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, bị hại chị T3-Số-Phép đã nhận đoạn dây chuyền và số tiền bồi thường là 31.500.000đ (giá trị phần dây chuyền bị mất). Chị không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự nên không xét đến.

Về vật chứng: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Future Fi, biển số 62D1-225.87 màu đỏ đen xám, số khung: RLHJC7611GZ083996, số máy: JC76E0125661 thuộc sở hữu của bị cáo Nguyễn Văn T và T người đứng tên đăng ký xe: Bị cáo sử dụng làm phương tiện thực hiện phạm tội nên đề nghị tịch thu sung ngân sách Nhà nước. (Vật chứng trên hiện Cục thi hành án dân sự tỉnh Long An đang quản lý).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T phát biểu: Bị cáo T thừa nhận thực hiện hành vi cướp giật tài sản, do đó Viện kiểm sát tỉnh Long An truy tố bị cáo theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự là đúng tội, đúng pháp luật, không oan nên không tranh luận về tội danh và điều luật. Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên toà hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, sau khi phạm tội bị cáo đầu thú và giao nộp tài sản chiếm đoạt, bồi thường giá trị tài sản bị mất cho bị hại; cha, mẹ bị cáo T là người có công với Cách mạng, bị cáo bị bệnh sỏi niệu thận trái ứ nước độ III và thoái hóa cột sống; gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo, nên xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự

nên bị cáo có đủ điều kiện để hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự.

Không ai tranh luận gì thêm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, các quyết định tố tụng và hành vi tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An, của Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, vắng mặt bị hại, người làm chứng: Xét thấy, những người vắng mặt đã có lời khai trong quá trình điều tra và khi cần thiết có thể công bố lời khai của họ, nên việc vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, căn cứ Điều 292 và Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Qua lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Biên bản tiếp nhận người phạm tội đầu thú, Bản kết luận định giá tài sản và các chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được thẩm tra tại phiên tòa có đủ cơ sở khẳng định bị cáo Nguyễn Văn T là người đã thành niên, có đủ sức khỏe làm việc để tạo thu nhập cho bản thân nhưng với vì động cơ, mục đích vụ lợi để có tiền tiêu xài phục vụ cho lợi ích cá nhân nên bị cáo đã nảy sinh ra ý định thực hiện hành vi cướp giật tài sản: Khoảng 9 giờ ngày 23/5/2024, tại Ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Long An, Nguyễn Văn T đã dùng thủ đoạn nguy hiểm là điều khiển xe mô tô biển số 62D1-225.87 áp sát phía bên phải xe mô tô biển số 1E-2913 của chị T3-Số-Phíp (Quốc tịch Campuchia) đang điều khiển, dùng tay trái giật sợi dây chuyền vàng trị giá 47.830.000 đồng và tẩu thoát.

[4] Hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” được quy định tại Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015. Do bị cáo vừa điều khiển xe mô tô là nguồn nguy hiểm cao độ vừa dùng tay giật sợi dây chuyền của bị hại P2 ngồi trên xe mô tô đang lưu thông, hành vi của bị cáo gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của bị hại, thuộc trường hợp dùng thủ đoạn nguy hiểm nên Viện kiểm sát tỉnh Long An truy tố bị cáo theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

[5] Hành vi trái pháp luật của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì động cơ,

mục đích vụ lợi, muốn có tiền để tiêu xài phục vụ cho lợi ích bản thân mà không phải bỏ công sức lao động làm ra nên bị cáo nảy sinh ra ý định thực hiện hành vi cướp giật tài sản người đi đường để bán lấy tiền tiêu xài. Bị cáo thực hiện việc chiếm đoạt tài sản một cách công khai, táo bạo, bất ngờ và dứt khoát rồi nhanh chóng tẩu thoát. Hành vi của bị cáo thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Bị cáo cũng thừa biết tài sản của người khác là do công sức lao động làm ra được pháp luật bảo vệ và bất khả xâm phạm khi chưa có sự đồng ý của chủ sở hữu. Hành vi của bị cáo gây mất trật tự ở địa phương. Do đó, cần áp dụng hình phạt buộc cách ly khỏi xã hội đối với bị cáo trong thời gian nhất định để giáo dục và phòng ngừa.

[6] Khi quyết định hình phạt cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hiện hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, sau khi phạm tội bị cáo đầu thú, đã giao nộp tài sản chiếm đoạt và bồi thường giá trị tài sản bị mất; cha, mẹ bị cáo T là người có công với Cách mạng; bị cáo bị bệnh sỏi niệu thận trái ứ nước độ III và thoái hóa cột sống. Gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51, có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự, nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo, nên áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có điều kiện kinh tế khó khăn, do đó không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo như lời đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[8] Đối với hành vi của Nguyễn Thị Kim T4 biết việc T giật sợi dây chuyền (do T nói lại); Cung cấp thông tin ở Công an xã không có người Campuchia tố giác hành vi của T. Khi biết Công an tìm T thì yêu cầu T trả lại tài sản. Xét thấy, hành vi của T4 không đủ yếu tố cấu thành tội “Không tố giác tội phạm” theo quy định tại Điều 390 Bộ luật Hình sự nên Cơ quan điều tra không xem xét hành vi đối với T4 là phù hợp.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, bị hại chị T3-Số-Phíp đã nhận đoạn dây chuyền và số tiền bồi thường là 31.500.000đ (giá trị phần dây chuyền bị mất). Chị không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự nên không xét đến.

[10] Về vật chứng: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Future Fi, biển số 62D1-225.87 màu đỏ đen xám, số khung: RLHJC7611GZ083996, số máy: JC76E0125661 thuộc sở hữu của bị cáo Nguyễn Văn T và T người đứng tên đăng ký xe: Bị cáo sử dụng làm phương tiện thực hiện phạm tội nên đề nghị tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

(Vật chứng hiện do Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An đang quản lý

theo Quyết định chuyển vật chứng số 36/QĐ-VKSLA-P2 ngày 08/01/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/01/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An).

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 03 (ba) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (25/03/2025).

Giao bị cáo Nguyễn Văn T về Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An để giám sát giáo dục án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo phạm tội mới trong thời gian thử thách thì tòa án quyết định hình phạt đối với tội mới và tổng hợp hình phạt tù của bản án trước theo quy định tại Điều 55, Điều 56 Bộ luật Hình sự.

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung 2017:

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Future Fi, biển số 62D1-225.87 màu đỏ đen xám, số khung: RLHJC7611GZ083996, số máy: JC76E0125661 thuộc sở hữu của bị cáo Nguyễn Văn T và T người đứng tên đăng ký xe: Bị cáo sử dụng làm phương tiện thực hiện phạm tội nên đề nghị tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

(Vật chứng hiện do Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An đang quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số 36/QĐ-VKSLA-P2 ngày 08/01/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/01/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An).

3. Án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm

2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021; điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định của Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- TAND Cấp cao tại TPHCM
- VKSND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- STP tỉnh Long An;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Long An;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An
- Lưu: Án văn, Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hùng Cường